

Cẩm nang

HƯỚNG DẪN VỀ QUY ĐỊNH
VÀ THỰC TIỄN ĐIỀU TRA
CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ
PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
MỚI CỦA HOA KỲ CHO
DOANH NGHIỆP

Cục Phòng vệ thương mại
2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

**CẨM NANG HƯỚNG DẪN VỀ QUY ĐỊNH VÀ THỰC TIỄN ĐIỀU TRA
CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI MỚI CỦA HOA
KỲ CHO DOANH NGHIỆP**

Hà Nội - Năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
I. GIỚI THIỆU	5
II. QUY ĐỊNH ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA HOA KỲ	8
1. Lịch sử quy định pháp luật về điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của Hoa Kỳ	8
2. Hoa Kỳ thay đổi quy định về điều tra chống lẩn tránh thuế	8
3. Các hành vi lẩn tránh thuế PVTM theo quy định của Hoa Kỳ	11
4. Cơ quan điều tra	14
5. Quy định về thủ tục điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.....	14
5.1. Khởi xướng điều tra	15
5.2. Quy trình điều tra	16
5.3. Kết luận cuối cùng	20
5.4. Biện pháp áp dụng	20
5.5. Mức thuế nào được áp dụng?.....	22
5.6. Cơ chế tự xác nhận.....	22
6. Một số quy định khác.....	23
6.1. Định nghĩa về các bên liên quan.....	23
6.2. Sử dụng hệ thống ACCESS	24
III. THỰC TIỄN ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA HOA KỲ	25
III. KHUYẾN NGHỊ.....	32

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên đầy đủ
ADA	Hiệp định chống bán phá giá của WTO
CBPG	Chống bán phá giá
CTC	Chống trợ cấp
CQĐT	Cơ quan điều tra
DOC	DOC
EU	Liên minh châu Âu
ITC	Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ
PVTM	Phòng vệ thương mại
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Các quyết định về miễn thuế trong giai đoạn 2018 -2022

Biểu đồ 1. Một số mốc thời gian cần lưu ý theo Điều 19 CFR 351.226(f)

I. GIỚI THIỆU

Các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) là những công cụ mà các Thành viên WTO được phép áp dụng nhằm thiết lập các điều kiện cạnh tranh công bằng trước những trường hợp hàng hóa nhập khẩu bán phá giá, được trợ cấp hoặc trường hợp hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại tới ngành sản xuất trong nước (WTO (1), 2013). Hiện nay, biện pháp PVTM được chia thành ba loại, bao gồm biện pháp chống bán phá giá (CBPG), biện pháp chống trợ cấp (CTC) và biện pháp tự vệ. Việc xác định và áp dụng các biện pháp PVTM của các Thành viên phải đảm bảo tuân thủ các quy định trong các hiệp định liên quan của WTO, bao gồm Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) năm 1994, Hiệp định Chống bán phá giá, Hiệp định Trợ cấp và biện pháp đối kháng và Hiệp định Tự vệ. Biện pháp PVTM có thể được áp dụng dưới nhiều hình thức, ví dụ như áp thuế, yêu cầu đặt cọc hoặc thế chấp, hạn chế định lượng,...

Việc áp dụng các biện pháp PVTM tạo ra những tác động tiêu cực đối với hàng hóa nhập khẩu, khiến cho hàng hóa đó phải chịu mức thuế cao hơn, chịu sự hạn chế về số lượng, hoặc chịu những tác động khác làm hạn chế việc tiêu dùng hàng hóa đó tại thị trường nước nhập khẩu. Chính vì vậy, một số nhà sản xuất, xuất khẩu đã thực hiện các hành vi nhằm trốn tránh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thực thi biện pháp PVTM đang có hiệu lực khi hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng của biện pháp này. Hành vi này được ghi nhận trong pháp luật của nhiều quốc gia¹ và thường được gọi là hành vi “lẩn tránh biện pháp PVTM” (circumvention of trade

¹ Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại được ghi nhận trong pháp luật của Hoa Kỳ (tại Đạo luật về Thương mại 1988), pháp luật của Liên minh châu Âu (tại Luật Chống bán phá giá 2016; Luật Chống trợ cấp 2016), pháp luật của Ấn Độ (tại Đạo luật về Thuế quan 1995, sửa đổi năm 2012) và pháp luật của Việt Nam (tại Luật Quản lý ngoại thương 2017).

remedies). Các hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên đều có chung một mục đích là đảm bảo hàng hóa nhập khẩu không thuộc phạm vi áp dụng của các biện pháp PVTM đang có hiệu lực. Một số hình thức lẫn tránh biện pháp PVTM phổ biến hiện nay bao gồm lắp ráp, hoàn thiện hàng hóa tại nước thứ ba hoặc nước nhập khẩu với giá trị gia tăng không đáng kể nhằm thay đổi nguồn gốc hàng hóa; thay đổi các chi tiết nhỏ trên hàng hóa nhằm làm cho hàng hóa nằm ngoài phạm vi áp dụng của các biện pháp PVTM,...

Tính đến hết năm 2021, hàng xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của hơn 22 vụ việc điều tra chống lẫn tránh thuế, trong đó Hoa Kỳ là thị trường điều tra nhiều nhất với Việt Nam.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, Cơ quan Thực thi và Tuân thủ Thương mại quốc tế, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo sửa đổi một số nội dung trong quy định pháp luật về điều tra CBPG và CTC của Hoa Kỳ (Mục 19 CFR Part 351, Đạo luật Thuế quan 1930), trong đó luật hóa nhiều quy định liên quan đến điều tra chống lẫn tránh thuế PVTM. Các quy định này đã được ban hành và chính thức có hiệu lực lần lượt từ ngày 20 tháng 10 và từ ngày 4 tháng 11 năm 2021.

Kể từ khi quy định sửa đổi có hiệu lực, Hoa Kỳ đã liên tục khởi xướng các vụ việc điều tra chống lẫn tránh thuế PVTM với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Chỉ riêng trong năm 2022, tính đến tháng 8, Hoa Kỳ đã khởi xướng điều tra mới 10 vụ việc điều tra chống lẫn tránh thuế với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Cẩm nang hướng dẫn về quy định và thực tiễn điều tra chống lẫn tránh thuế PVTM mới của Hoa Kỳ cho doanh nghiệp nhằm mục đích hướng dẫn doanh nghiệp về quy định mới của Hoa Kỳ về điều tra chống lẫn tránh thuế PVTM và một số lưu ý trong thực tiễn điều tra của Hoa Kỳ, nhằm ứng phó với vụ việc một cách hiệu quả.

Cẩm nang gồm các nội dung chính như sau:

- Phần 1: Giới thiệu.
- Phần 2: Quy định điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của Hoa Kỳ.
- Phần 3: Thực tiễn điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của Hoa Kỳ.
- Phần 4: Khuyến nghị.

II. QUY ĐỊNH ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA HOA KỲ

1. Lịch sử quy định pháp luật về điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của Hoa Kỳ

Quy định chính thức đầu tiên về chống lẩn tránh thuế của Hoa Kỳ là tại Mục 1321 của Đạo luật Thương mại liên ngành và Cạnh tranh 1988 (Omnibus Trade and Competitive Act) (Đạo luật Thương mại 1988) với tên gọi “Ngăn chặn việc lẩn tránh lệnh áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp” (được pháp điển tại Mục 781 Đạo luật Thuế quan 1930, 19 U.S.C 1677j). Quy định này ra đời một mặt để theo kịp với quy định của EU về chống lẩn tránh thuế được thông qua vào năm 1987 và mặt khác là do quan ngại việc các nhà sản xuất châu Á tham gia vào các hành vi lẩn tránh thuế.

Tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), cùng với EU, Hoa Kỳ đã nỗ lực rất nhiều để đưa các quy định về chống lẩn tránh thuế vào Hiệp định về chống bán phá giá của WTO (ADA) trong Vòng đàm phán Uruguay. Mặc dù Dự thảo Dunkel có các quy định về chống lẩn tránh thuế, Hoa Kỳ đã không chấp nhận vì cho rằng lời văn không đủ mạnh. Do đó, các quy định này đã không được đưa vào lời văn cuối cùng của ADA. Vì vậy, chỉ có Quyết định cấp Bộ trưởng về Chống lẩn tránh thuế được thông qua, mà Hoa Kỳ coi là một tuyên bố cho phép sự công nhận tính pháp lý của các quy định về chống lẩn tránh thuế của mình.

2. Hoa Kỳ thay đổi quy định về điều tra chống lẩn tránh thuế

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, Cơ quan Thực thi và Tuân thủ Thương mại quốc tế, DOC (DOC) đã thông báo sửa đổi một số nội dung trong quy định pháp luật về điều tra chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) của nước này (Mục 19

CFR Part 351, Đạo luật Thuế quan 1930), bao gồm quy định liên quan đến điều tra chống lẩn tránh thuế.

Việc sửa đổi được Chính quyền Tổng Thống Donald Trump triển khai từ ngày 13 tháng 8 năm 2020 nhằm rà soát quá trình áp dụng quy định, từ đó, đưa ra những điều chỉnh, bổ sung theo hướng tăng cường các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn các hành vi bán phá giá và trợ cấp vào Hoa Kỳ. Tháng 01 năm 2021, DOC đã công bố quy định sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Biden đã yêu cầu DOC đình chỉ việc áp dụng quy định sửa đổi nêu trên nhằm rà soát, làm rõ hơn những điểm còn hạn chế và bổ sung các biện pháp tăng cường quản lý, thực thi pháp luật về CBPG/CTC để ngăn chặn hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM của các đối tác khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Đáng lưu ý, các quy định này đã luật hóa hầu hết thực tiễn và quy trình điều tra chống lẩn tránh của DOC vốn chưa được hướng dẫn cụ thể trước đây. Lần sửa đổi này được đánh giá là lần điều chỉnh chính sách đáng kể nhất của chính quyền Hoa Kỳ về PVTM trong vòng 20 năm qua.

Nội dung sửa đổi tập trung vào một số nhóm vấn đề chính sau:

Hoa Kỳ tách riêng việc điều tra xem xét phạm vi sản phẩm (scope ruling) khỏi phạm vi điều tra chống lẩn tránh thuế (anti-circumvention) và quy định cụ thể hơn về quy trình, thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của DOC. Cụ thể:

- Điều tra xem xét phạm vi sản phẩm

Về bản chất, điều tra xem xét phạm vi sản phẩm nhằm xác định có thể mở rộng Lệnh áp thuế mà Hoa Kỳ đang áp dụng với một nước/vùng lãnh thổ với một số sản phẩm nhập khẩu từ nước/vùng lãnh thổ khác không. Trước đây, điều tra xem xét phạm vi sản phẩm là một phần của điều tra chống lẩn tránh thuế, và không có quy định rõ ràng về quy trình thủ tục đối với nội dung này.

Quy định sửa đổi đã bổ sung thêm các yếu tố rõ hơn về quy trình thủ tục, như: (i) phải khởi xướng điều tra dựa trên đơn kiện chính thức; (ii) DOC có thể tự khởi xướng (self-initiate); (iii) quy định cụ thể về thời hạn điều tra và ra kết luận (120 ngày, có thể gia hạn tới 300 ngày); (iv) loại bỏ quy định cho phép điều tra nhanh - expedited.

Tuy nhiên, điểm thay đổi đáng kể và có tác động lớn nhất là quy định sửa đổi cho phép áp dụng thuế hồi tố (retrospective). Theo đó, quy định sửa đổi cho phép Lệnh áp thuế gốc được mở rộng với tất cả các lô hàng chưa thanh khoản, bao gồm cả các lô hàng đã nhập vào Hoa Kỳ trước thời điểm khởi xướng điều tra vụ việc. Theo quy định cũ, Lệnh áp thuế chỉ có thể mở rộng với các lô hàng chưa thanh khoản mà nhập vào Hoa Kỳ vào hoặc sau thời điểm khởi xướng điều tra vụ việc.

Thông thường, Hoa Kỳ sẽ tiến hành thanh khoản hàng hóa trong khoảng 10 tháng kể từ khi hàng hóa nhập vào Hoa Kỳ. Giả sử Hoa Kỳ ra kết luận sơ bộ khẳng định, tính từ thời điểm ra kết luận sơ bộ, Hoa Kỳ có khả năng thu thuế hồi tố với các lô hàng đã nhập khẩu vào Hoa Kỳ lên tới 10 tháng trước ngày ra quyết định sơ bộ. Điều này khác với quy định trong vụ việc điều tra CBPG/CTC là thời gian hồi tố tối đa 90 ngày trước khi ra quyết định sơ bộ.

- Điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM

Hoa Kỳ quy định chi tiết hơn về quy trình và thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM, theo đó: (i) DOC phải quyết định khởi xướng điều tra trong vòng 30 ngày, có thể gia hạn 45 ngày, kể từ khi nhận đơn; (ii) DOC phải ra kết luận cuối cùng trong vòng 300 ngày, có thể gia hạn tới 365 ngày kể từ ngày khởi xướng; (iii) quy định cụ thể cho phép DOC điều tra chống lẩn tránh thuế trên phạm vi quốc gia (country-wide). Hình thức điều tra này cho phép DOC lựa chọn ra một số doanh nghiệp bị đơn bắt buộc để điều tra, nhưng kết quả sẽ áp dụng cho tất cả các nhà sản

xuất/xuất khẩu khác; (iv) cho phép DOC áp dụng thuế hồi tố, tương tự như quy định về hồi tố áp dụng với điều tra xem xét phạm vi sản phẩm.

3. Các hành vi lẩn tránh thuế PVTM theo quy định của Hoa Kỳ

Theo quy định tại Điều 781 của Đạo luật Thuế quan 1930, hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM (bao gồm lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp) có thể được thực hiện theo một trong bốn trường hợp: (i) lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ; (ii) lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác không phải là đối tượng bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng; (iii) tạo ra những thay đổi không đáng kể đối với hàng hóa và (iv) hàng hóa được phát triển sau khi cơ quan có thẩm quyền khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM với một loại hàng hóa có tính chất tương tự.

Đối với trường hợp (i), việc lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ sẽ bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM khi có đủ các điều kiện: (a) hàng hóa được bán tại Hoa Kỳ và cùng loại với hàng hóa bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng; (b) hàng hóa này được lắp ráp, hoàn thiện bằng các nguyên vật liệu được sản xuất tại quốc gia nơi có hàng hóa bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng; (c) hoạt động lắp ráp, hoàn thiện tại Hoa Kỳ có giá trị không đáng kể; (d) giá trị của các nguyên vật liệu được nêu tại yêu tố (b) chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng giá trị của hàng hóa. Pháp luật Hoa Kỳ không đưa ra mức định lượng cụ thể để xác định mức độ “không đáng kể” trong điều kiện (c) mà chỉ liệt kê các yếu tố cần được xem xét, bao gồm: mức độ đầu tư, nghiên cứu và phát triển tại Hoa Kỳ; bản chất, quy mô và giá trị của hoạt động sản xuất tại Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, các quy định yêu cầu cơ quan điều tra phải xem xét tổng hợp nhiều yếu tố trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, bao gồm đặc điểm thương mại của hàng hóa; mối liên hệ giữa doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nguyên vật liệu và doanh nghiệp lắp đặt, hoàn

thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ; xu hướng gia tăng việc nhập khẩu nguyên vật liệu khi có quyết định khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM. Khi cơ quan điều tra kết luận việc lắp ráp, hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước có hàng hóa cùng loại bị áp dụng biện pháp PVTM là hành vi lẩn tránh thì biện pháp PVTM đó sẽ được áp dụng với nguyên vật liệu nhập khẩu (19 U.S.Code 1677j (a)).

Đối với trường hợp (ii), việc lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác không phải là đối tượng bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng (“quốc gia khác”) sẽ bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM khi có đủ các điều kiện: (a) hàng hóa nhập khẩu từ quốc gia khác vào Hoa Kỳ cùng loại với hàng hóa nhập khẩu từ một quốc gia là đối tượng chịu thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng; (b) hàng hóa này được lắp ráp hoặc hoàn thiện từ các nguyên vật liệu là đối tượng chịu các loại thuế nêu trên hoặc nguyên vật liệu sản xuất tại các nước có liên quan đến các loại thuế nêu trên; (c) hoạt động lắp ráp, hoàn thiện tại quốc gia khác có giá trị không đáng kể và (d) giá trị của các hàng hóa được sử dụng để lắp ráp, hoàn thiện theo yếu tố (b) chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng giá trị của hàng hóa. Tương tự như trường hợp (i), việc xác định các điều kiện cấu thành hành vi lẩn tránh phải dựa trên sự xem xét tổng hợp nhiều yếu tố². Khi cơ quan điều tra kết luận việc lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác là hành vi lẩn tránh thì biện pháp PVTM sẽ được áp dụng với các hàng hóa này. Tuy nhiên, khác với trường hợp (i), do việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh trong trường hợp (ii) ảnh hưởng tới

² Các yếu tố mà cơ quan điều tra xem xét bao gồm: sự gia tăng nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM vào nước thứ 3 khi Hoa Kỳ quyết định áp dụng biện pháp PVTM; sự gia tăng nhập khẩu hàng hóa từ nước thứ 3 khi Hoa Kỳ quyết định áp dụng biện pháp PVTM; mối liên hệ giữa doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tại nước bị áp dụng biện pháp PVTM và doanh nghiệp sản xuất, hoàn thiện tại nước thứ 3.

lợi ích của nhiều bên, pháp luật Hoa Kỳ cho phép cơ quan điều tra được cân nhắc và quyết định việc áp dụng biện pháp PVTM có phù hợp để ngăn chặn hành vi lẩn tránh hay không (19 U.S.Code 1677j (b)).

Đối với trường hợp (iii), việc tạo ra những thay đổi không đáng kể đối với hàng hóa là đối tượng của biện pháp PVTM, bao gồm các thay đổi không đáng kể về hình dạng, kiểu dáng có thể bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM, ngay cả khi hàng hóa sau khi thay đổi không có cùng phân loại thuế quan với hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM. Quy định này cũng áp dụng đối với trường hợp chế biến các sản phẩm nông nghiệp dạng thô ở mức độ không đáng kể. Đối với trường hợp này, cơ quan điều tra sẽ so sánh giữa hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM và hàng hóa được thay đổi về một số yếu tố bao gồm tính chất vật lý, kỳ vọng của người tiêu dùng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, kênh phân phối thương mại, cách thức quảng cáo và trưng bày; đồng thời xác định giá trị của sự thay đổi so với tổng giá trị của hàng hóa và khối lượng nhập khẩu hàng hóa được thay đổi qua từng thời điểm. Cơ quan điều tra cũng được quyền cân nhắc và quyết định việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh đối với hàng hóa bị thay đổi không đáng kể có cần thiết hay không (19 U.S.Code 1677j (c)).

Đối với trường hợp (iv), việc phát triển một loại hàng hóa sau khi cơ quan có thẩm quyền khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM với một loại hàng hóa có tính chất tương tự có thể bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM. Tương tự như trường hợp (iii), cơ quan điều tra sẽ so sánh một số yếu tố giữa hàng hóa được phát triển sau và hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM như tính chất vật lý, kỳ vọng của người tiêu dùng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng,... Ngoài ra, cơ quan điều tra sẽ xem xét việc hàng hóa đó đã được trao đổi thương mại trên thị trường tại thời điểm khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM hay chưa. Một hàng hóa được phát triển sau vẫn có thể bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh dù (a) hàng hóa đó

có phân loại thuế quan khác với phân loại được nêu trong đơn yêu cầu điều tra hoặc các thông báo của cơ quan điều tra trong quá trình điều tra hoặc (b) hàng hóa đó có bổ sung thêm các tính năng so với hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM, trừ khi các tính năng bổ sung này là tính năng chính của hàng hóa và chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí sản xuất hàng hóa (19 U.S.Code 1677j (d)).

Cần lưu ý rằng **hoạt động chuyển tải** thông qua quốc gia thứ ba hoặc một số hành vi **trốn thuế** chống bán phá giá/chống trợ cấp thông qua các hình thức như ghi sai nhãn, giả mạo hóa đơn và các chứng từ liên quan không nằm trong phạm vi quy định về điều tra chống lẩn tránh do DOC tiến hành. Các hành vi này được điều chỉnh theo các quy định pháp luật khác của Hoa Kỳ, và thông thường do Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ chịu trách nhiệm xử lý.

4. Cơ quan điều tra

Cơ quan có thẩm quyền điều tra các vụ việc chống lẩn tránh thuế là DOC (DOC) và Ủy ban Thương mại quốc tế (ITC), trong đó DOC đóng vai trò chính trong khi ITC chỉ đưa ra ý kiến liên quan đến một số vấn đề. Tại DOC, đơn vị chịu trách nhiệm điều tra là Vụ Thực thi và Tuân thủ (Enforcement and Compliance- E&C) thuộc Tổng vụ Quản lý Thương mại Quốc tế. Trong đó cơ cấu tổ chức của Vụ Thực thi và Tuân thủ gồm Vụ trưởng (Assistant Secretary), 01 Phó Vụ trưởng thường trực, 01 Văn phòng hỗ trợ điều tra, 02 Phó Vụ trưởng phụ trách 2 lĩnh vực: (i) điều tra CBPG/CTC và (ii) chính sách, đàm phán. Tại mỗi lĩnh vực có các phòng chuyên môn khác nhau: (i) Lĩnh vực điều tra có 8 Phòng điều tra, 01 Phòng Đào tạo, 01 Phòng Quan hệ với Hải quan; (ii) Lĩnh vực chính sách, đàm phán: 01 Phòng chính sách, 01 Phòng Chính sách và đàm phán Hiệp định thương mại, 01 Phòng Đàm phán và tuân thủ Hiệp định thương mại, 01 Phòng Kế toán.

5. Quy định về thủ tục điều tra và áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Các quy định chi tiết về thủ tục điều tra và áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM được chi tiết hóa tại Điều 19 C.F.R. §351.226.

5.1. Khởi xướng điều tra

Một cuộc điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM có thể được khởixướng bởi chính cơ quan có thẩm quyền điều tra là DOC hoặc khởi xướng theo yêu cầu, với điều kiện bên yêu cầu phải nộp đơn và cung cấp các thông tin về loại hàng hóa; nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan³; mô tả và chứng cứ chứng minh hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM, cũng như quan điểm của bên yêu cầu về việc cuộc điều tra có nên được tiến hành đối với tất cả các chủ thể trên lãnh thổ của quốc gia liên quan hay không.

Điều **351.226(c)** liệt kê các thông tin mà DOC yêu cầu bên liên quan cung cấp nếu bên liên quan muốn đề nghị DOC khởi xướng một cuộc điều tra lẫn tránh. Các thông tin yêu cầu bên liên quan cung cấp bao gồm:

- Các đặc tính hữu hình của sản phẩm;
- Quốc gia hoặc các quốc gia nơi sản phẩm được sản xuất và/hoặc xuất khẩu;
- Phân loại thuế quan của sản phẩm và các mục đích sử dụng của sản phẩm;

³ Theo 19 C.F.R. § 351.226 (c), bên yêu cầu không nhất thiết phải liệt kê đầy đủ các nhà sản xuất, xuất khẩu liênquan đến hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM mà có thể cung cấp một số ví dụ trong trường hợp không thể xác định được đầy đủ các nhà sản xuất, xuất khẩu thuộc nhóm này.

- Tên, địa chỉ của các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm;
- Các thông tin hỗ trợ như bản vẽ kỹ thuật, quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn, ảnh chụp, tài liệu marketing; và
- Các thông tin khác liên quan đến hành vi lẫn tránh bị cáo buộc và đề cập đến các yếu tố liên quan được liệt kê tại điều 781 của Luật Thuế 1930 (chẳng hạn như giải thích về việc tại sao hoạt động hoàn thiện hoặc lắp ráp tại Hoa Kỳ hoặc một quốc gia thứ ba bị cáo buộc là nhỏ hoặc không đáng kể).

Điều 351.226(c) quy định rằng tất cả các yêu cầu này dựa trên tiêu chuẩn “khả năng thu thập hợp lý” do trong thực tế khách quan, một số bên liên quan (chẳng hạn như các đối thủ cạnh tranh hoặc ngành sản xuất trong nước) sẽ không thể có đầy đủ thông tin về sản phẩm như thông tin mà doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm đó có được.

Một đơn yêu cầu sẽ được xem xét trong thời hạn 30 ngày, và có thể kéo dài thêm 15 ngày theo quyết định của Bộ trưởng DOC. Sau khi nhận được đơn yêu cầu đáp ứng đầy đủ các quy định về hình thức và nội dung, Bộ trưởng DOC sẽ quyết định và công bố khởi xướng điều tra (**19 C.F.R. §351.226 (b), (d)**).

5.2. Quy trình điều tra

Điều 351.226(e) quy định các thời hạn sau khi tiến hành khởi xướng điều tra:

- 150 ngày để ban hành Kết luận sơ bộ;
- 300 ngày để ban hành Kết luận cuối cùng;
- Nếu DOC xác định rằng vụ việc “hết sức phức tạp”, DOC có thể gia hạn

thời hạn ban hành Kết luận cuối cùng thêm 65 ngày;

- Nếu DOC xác định việc thực hiện là hợp lý, DOC có thể điều chỉnh thời hạn của cuộc điều tra lần tránh cho khớp với thời hạn của các cuộc điều tra khác đang được tiến hành (chẳng hạn như điều tra rà soát hành chính hàng năm) để thời hạn của các cuộc điều tra rà soát cũng áp dụng với cuộc điều tra lần tránh thay vì các thời hạn được quy định như trên.

Điều 351.226(f) quy định hầu hết các thời hạn quan trọng để các bên liên quan cung cấp thông tin trong một cuộc điều tra lần tránh. Cụ thể:

(i) Bình luận về việc khởi xướng điều tra

Trong vòng 30 ngày sau khi quyết định tự khởi xướng điều tra của DOC được công bố, các bên quan tâm một cơ hội để nộp các bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế liên quan đến quyết định tự khởi xướng điều tra của DOC hoặc đề nghị điều tra lần tránh của bên yêu cầu điều tra.

Đồng thời, trong vòng 14 ngày sau khi các bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế được nộp cho DOC, bất kỳ bên liên quan nào cũng có thể nộp bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế mới để phản bác, làm rõ hoặc đính chính thông tin thực tế mà các bên liên quan khác đã nộp.

(ii) Trả lời bản câu hỏi

Sau khi khởi xướng điều tra, nếu thấy phù hợp, DOC có thể ban hành các bản câu hỏi và xác minh các thông nhận được. Nếu DOC ban hành các bản câu hỏi và nhận được các bản trả lời, các bên liên quan có 14 ngày sau khi bản trả lời được nộp để nộp bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế nhằm phản bác, làm rõ hoặc đính chính các thông tin thực tế trong bản trả lời. Sau đó, bên nộp bản trả lời có 7 ngày

để nộp bình luận/ý kiến và thông tin thực tế nhằm phản bác, làm rõ hoặc đính chính đối với ý kiến của các bên liên quan khác đối với bản trả lời của mình.

Trong trường hợp cuộc điều tra lần tránh liên quan đến một nền kinh tế phi thị trường, các bên liên quan cần nộp đề xuất về trị giá thay thế. Thông thường việc này được thực hiện sau khi các bản trả lời câu hỏi ban đầu đã được nộp. Các thời hạn liên quan đến việc các bên liên quan nộp và có ý kiến đối với đề xuất về trị giá thay thế được áp dụng theo quy định tại Điều 351.226(f)(3).

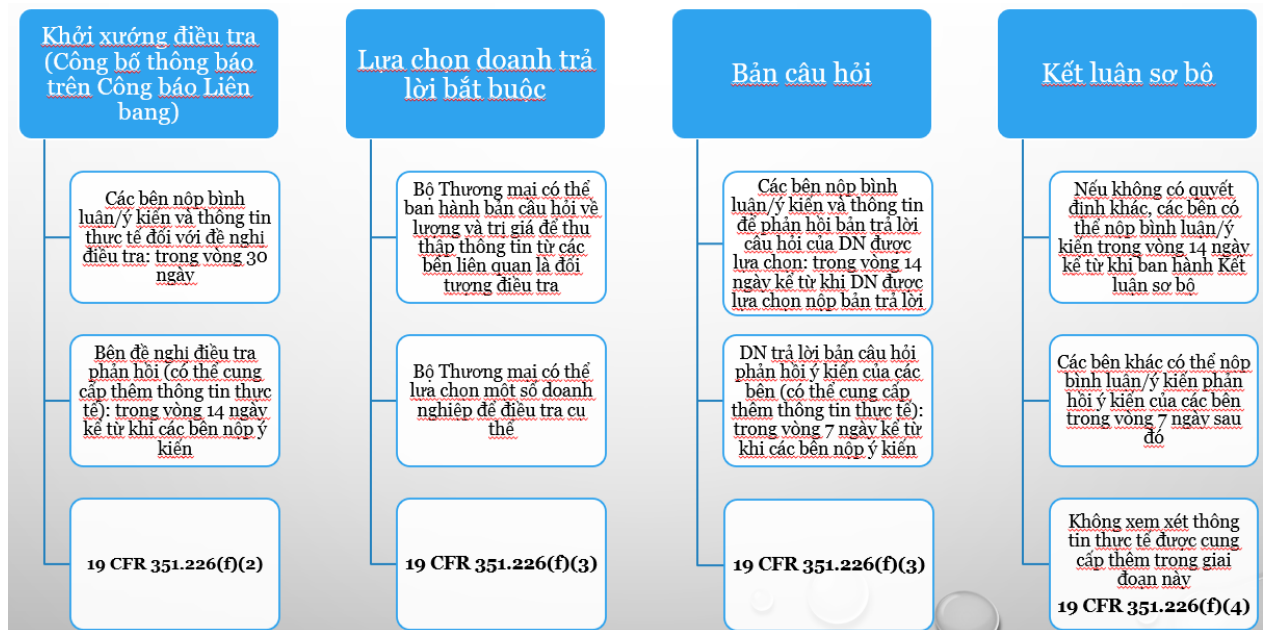
Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thể áp dụng nguyên tắc phân tích thông tin được quy định tại Điều 776 Đạo luật về Thuế quan năm 1930, được pháp điển hóa tại 19 U.S.C. 1677e. Theo nguyên tắc này, cơ quan điều tra sẽ chỉ phân tích dựa trên các thông tin có thể tiếp cận được trong trường hợp (i) cơ quan điều tra không được cung cấp, tiếp cận các thông tin cần thiết trong quá trình điều tra hoặc (ii) một chủ thể bất kỳ thực hiện một trong các hành vi (a) cố ý không cung cấp thông tin mà cơ quan điều tra yêu cầu; (b) không cung cấp thông tin trong thời hạn, hình thức, cách thức mà cơ quan điều tra yêu cầu; (c) cản trở nghiêm trọng quá trình điều tra hoặc (d) cung cấp thông tin nhưng thông tin này không thể được kiểm chứng (19 U.S.C. 1677e (a)). Bên cạnh đó, khi một chủ thể được yêu cầu cung cấp thông tin không hợp tác bằng việc “hành động trong khả năng cao nhất”, cơ quan điều tra sẽ phân tích các thông tin có thể tiếp cận được theo hướng bất lợi đối với chủ thể này. Cụ thể, cơ quan điều tra có thể dựa vào (i) thông tin cung cấp bởi bên yêu cầu khởi xướng điều tra; (ii) thông tin liên quan đến kết luận cuối cùng đối; (iii) thông tin từ các cuộc rà soát trước đây; (iv) bất kỳ thông tin nào được ghi nhận trong quá trình điều tra nhằm đưa ra quyết định áp dụng bất lợi đối với chủ thể không hợp tác (19 U.S.C. 1677e (b)).

(iii) Kết luận sơ bộ, trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, cơ quan điều tra phải

đưa ra kết luận sơ bộ, dựa trên những thông tin có thể tiếp cận được, về việc có những căn cứ thỏa đáng để nghi ngờ về sự tồn tại của hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM hay không. Kết luận sơ bộ này có thể được đưa ra ngay tại thời điểm khởi xướng điều tra hoặc không muộn hơn 150 ngày kể từ thời điểm khởi xướng điều tra. Khi công bố kết luận sơ bộ, cơ quan điều tra cũng sẽ công bố trình tự thủ tục cụ thể để các bên quan tâm nộp tài liệu trình bày ý kiến về kết luận sơ bộ.

Sau khi DOC ban hành Kết luận điều tra lẩn tránh sơ bộ, các bên liên quan có 14 ngày để nộp các bình luận/ý kiến đối với kết luận và có 7 ngày tiếp theo để nộp bình luận/ý kiến đối với ý kiến đối với kết luận mà các bên liên quan khác đã nộp. Cần lưu ý rằng nếu DOC không có quyết định khác, các thông tin thực tế được cung cấp thêm trong giai đoạn này sẽ không được xem xét (19 C.F.R. § 351.226 (f)(4), (5)).

Biểu đồ 1. Một số mốc thời gian cần lưu ý theo Điều 19 CFR 351.226(f)



5.3. Kết luận cuối cùng

Kết luận cuối cùng sẽ được đưa ra trong thời hạn 300 ngày, có thể được kéo dài thêm tối đa 65 ngày, kể từ ngày khởi xướng điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM. Trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, DOC có nghĩa vụ thông báo với Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (USITC) và tham gia tham vấn khi có yêu cầu của USITC. Việc tham vấn được tiến hành nhằm đảm bảo kết luận cuối cùng về hành vi lẫn tránh của DOC phù hợp với những kết luận của USITC về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước được sử dụng làm cơ sở để áp dụng biện pháp PVTM (19 C.F.R. § 351.226 (e)(2), (g)(2)).

5.4. Biện pháp áp dụng

Điều 19 CFR 351.226(l) - quy định về các biện pháp triển khai sau khi vụ việc điều tra chống lẫn tránh được khởi xướng, sau khi DOC ra kết luận sơ bộ và sau khi DOC ra kết luận cuối cùng như sau:

- Khi DOC khởi xướng điều tra lần tránh, chưa có bất kỳ thay đổi nào (nhập khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp thuế vẫn tiếp tục phải nộp tiền ký quỹ, nhập khẩu hàng hóa không phải là đối tượng bị áp thuế không phải nộp tiền ký quỹ)
- Khi DOC ban hành kết luận sơ bộ (hoặc kết luận cuối cùng) xác định có hành vi lần tránh, đối với nhập khẩu hàng hóa chưa phải là đối tượng bị áp thuế, DOC sẽ yêu cầu cơ quan hải quan bắt đầu thu thuế theo mức tiền ký quỹ áp dụng tại thời điểm hoặc sau thời điểm khởi xướng điều tra.
- Nếu các bên liên quan đề nghị và cung cấp chứng cứ rằng Cơ quan hải quan cần bắt đầu thu thuế tại một thời điểm khác sớm hơn, DOC dựa trên các dữ liệu trong hồ sơ có thể quyết định bắt đầu thu thuế đối với các lô hàng đã nhập khẩu tại thời điểm sớm hơn.

Trong lời nói đầu của quy định, DOC giải thích rằng chứng cứ để đảm bảo cho việc áp thuế đối với các lô hàng đã nhập khẩu trước thời điểm khởi xướng điều tra phải mạnh hơn chứng cứ cần thiết để xác định hành vi lần tránh trên cơ sở xem xét các tiêu chí liên quan.

DOC sẽ không yêu cầu cơ quan hải quan áp thuế đối với những lô hàng nhập khẩu chưa phải nộp tiền ký quỹ trước ngày 4 tháng 11 năm 2021 (ngày quy định có hiệu lực).

Điều 19 CFR 351.226(m) quy định DOC có thể áp dụng biện pháp chống lần tránh theo các phương thức khác nhau đối với sản phẩm bị điều tra:

- Biện pháp có thể áp dụng trên cơ sở doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các phương thức này, hoặc

- Biện pháp có thể được áp dụng cho toàn bộ các lô hàng nhập khẩu sản phẩm bị điều tra từ một quốc gia (không phân biệt doanh nghiệp).

DOC quyết định phương thức áp dụng biện pháp tùy từng trường hợp cụ thể, áp dụng “biện pháp phù hợp để xử lý hành vi lẩn tránh và để ngăn ngừa việc trốn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp”.

5.5. Mức thuế nào được áp dụng?

- Nếu DOC xác định rằng không có hành vi lẩn tránh, thuế sẽ không áp dụng đối với hàng hóa bị điều tra.

- Nếu DOC xác định có hành vi lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp nhưng việc xác định hành vi theo doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp sản xuất cụ thể, các doanh nghiệp khác nhập khẩu hàng hóa bị điều tra sẽ không phải nộp thuế.

- Nếu DOC xác định có hành vi lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp và việc xác định hành vi theo quốc gia, thuế sẽ áp dụng đối với tất cả hàng hóa bị điều tra nhập khẩu từ quốc gia đó trừ khi DOC cho phép doanh nghiệp được tự xác nhận theo quy định tại điều 19 CFR 351.228.

- Nếu DOC xác định có hành vi lẩn tránh, nhập khẩu hàng hóa bị điều tra sẽ nộp thuế theo mức thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp đang áp dụng.

5.6. Cơ chế tự xác nhận

Điều 19 CFR 351.228 quy định:

Trong các vụ việc điều tra lẩn tránh, DOC trước đây đã sử dụng cơ chế tự xác nhận dành cho doanh nghiệp nhập khẩu và các bên liên quan để xác nhận rằng họ

không nhập khẩu/xuất khẩu hàng hóa là đối tượng điều tra lẫn tránh vào Hoa Kỳ.

Chẳng hạn, nếu một biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp được áp dụng với hàng hóa từ Ý và cáo buộc lẫn tránh liên quan đến hàng hóa được hoàn thiện tại Kenya sử dụng các bộ phận nhập khẩu từ Ý, DOC có thể xác định về hành vi lẫn tránh theo quốc gia. Trong trường hợp đó:

- Các doanh nghiệp của Kenya không sử dụng các bộ phận nhập khẩu từ Ý có thể tự xác nhận điều đó và sản phẩm của họ sẽ không bị áp thuế.
- Nếu các doanh nghiệp của Kenya đã có sử dụng các bộ phận nhập khẩu từ Ý nhưng ngừng việc sử dụng đó cho các lô hàng xuất khẩu trong tương lai, họ cũng có thể sử dụng quy trình tự xác nhận này và các lô hàng xuất khẩu vào Hoa Kỳ trong tương lai của họ cũng không bị áp thuế.

Cần lưu ý rằng tùy thuộc vào dữ liệu của vụ việc, một số doanh nghiệp có thể không được phép sử dụng cơ chế tự xác nhận này. Chẳng hạn như trong các vụ việc trước đây, một số doanh nghiệp nhận được bản câu hỏi của DOC nhưng đã quyết định không trả lời các bản câu hỏi này (và không tham gia cung cấp thông tin trong quá trình điều tra lẫn tránh). Những doanh nghiệp đó đã không được DOC cho phép tham gia vào cơ chế tự xác nhận.

6. Một số quy định khác

6.1. Định nghĩa về các bên liên quan

“Các bên liên quan” được định nghĩa bao gồm các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp chế tạo và doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài; các doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp chế tạo, doanh nghiệp bán buôn của Hoa Kỳ; một số nghiệp đoàn; một số hiệp hội. *Điều 771(9) Luật Thuế 1930 sửa đổi.*

6.2. Sử dụng hệ thống ACCESS

Tất cả các tài liệu phải được nộp thông qua hệ thống nộp hồ sơ điện tử của cơ quan điều tra Hoa Kỳ - Hệ thống ACCESS.

Cục PVTM đã xây dựng Cẩm nang hướng dẫn sử dụng Cổng thông tin điện tử của DOC (ACCESS) cho doanh nghiệp để kháng kiện PVTM và đăng tải trên website của Cục PVTM.

III. THỰC TIỄN ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH THUẾ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA HOA KỲ

Trong giai đoạn 2018-2022, Hoa Kỳ đã ra quyết định cuối cùng trong 33 vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế. Chi tiết tại Bảng dưới đây.

Các sản phẩm bị điều tra bao gồm các sản phẩm thép, hóa chất, gỗ và giấy. Hầu hết các vụ việc được khởi xướng trên cơ sở đơn kiện của ngành sản xuất nội địa, chỉ có một số vụ việc là do DOC tự khởi xướng. Hầu hết các vụ việc có kết luận cuối cùng là có hiện tượng lẩn tránh thuế, và hàng hóa nhập khẩu từ nhà xuất khẩu bị điều tra hoặc nước xuất khẩu bị điều tra thuộc phạm vi áp thuế của Lệnh áp thuế gốc. Một số Lệnh áp thuế gốc là đối tượng xem xét trong nhiều hơn 01 vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế

Bảng 1. Các quyết định về lẩn tránh thuế trong giai đoạn 2018 -2022

Vụ việc	Quyết định
A-351-842: Uncoated Paper* từ Brazil	Việc nhập khẩu các cuộn giấy bị áp thuế được chuyển đổi thành các tờ giấy không tráng phủ nhằm lẩn tránh các lệnh CBPG và CTC; ngày 14 tháng 12 năm 2021
A-560-828 and C- 560-829: Uncoated Paper từ Indonesia	Việc nhập khẩu các cuộn giấy bị áp thuế được chuyển đổi thành các tờ giấy không tráng phủ nhằm lẩn tránh các lệnh CBPG và CTC; ngày 14 tháng 12 năm 2021

A-570-022 and C-570-023: Uncoated Paper từ Trung Quốc	Việc nhập khẩu các cuộn giấy bị áp thuế được chuyển đổi thành các tờ giấy không tráng phủ nhằm lẫn tránh các lệnh CBPG và CTC; ngày 14 tháng 12 năm 2021
A-570-943: Oil Country Tubular Goods (OCTG) từ Trung Quốc (Tự khởi xướng)	Việc nhập khẩu ống thép dẫn dầu (OCTG) được hoàn thành tại Brunei hoặc Philippines bằng cách sử dụng nguyên liệu đầu vào được sản xuất tại Trung Quốc để lẫn tránh các Lệnh áp thuế CBPG và CTC với OCTG từ Trung Quốc; ngày 26 tháng 11 năm 2021
A-570-026 and C-570-027: Certain Corrosion Resistant Steel Products (CORE) từ Trung Quốc (Tự khởi xướng)	<p>CORE được hoàn thiện tại Malaysia từ thép cán nóng hoặc thép nền cán nguội được sản xuất tại Trung Quốc và xuất khẩu sang Hoa Kỳ để lẫn tránh các Lệnh áp thuế CBPG và CTC đối với CORE từ Trung Quốc; ngày 01 tháng 6 năm 2021.</p> <p>CORE được sản xuất tại Nam Phi không lẫn tránh các Lệnh áp thuế; Ngày 01 tháng 6 năm 2021.</p> <p>CORE được hoàn thiện ở Costa Rica và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất từ thép cán nóng hoặc thép cán nguội được sản xuất tại Trung Quốc và sau đó được xuất khẩu sang Hoa Kỳ để lẫn tránh các Lệnh áp thuế CBPG và CTC đối với CORE từ Trung Quốc; Ngày 6 tháng 7 năm 2020.</p>

	<p>CORE được sản xuất tại Guatemala không lẫn tránh các Lệnh áp thuế; Ngày 6 tháng 7 năm 2020.</p> <p>Nhập khẩu CORE, được sản xuất tại Việt Nam bằng thép cán nóng carbon hoặc các sản phẩm thép phẳng cán nguội sản xuất tại Trung Quốc, lẫn tránh các Lệnh áp thuế; Ngày 23 tháng 5 năm 2018.</p>
A-583-856: Certain Corrosion Resistant Steel Products (CORE) từ Đài Loan - Trung Quốc (Tự khởi xướng)	<p>CORE được hoàn thành ở Malaysia từ thép cán nóng hoặc thép cán nguội được sản xuất tại Đài Bắc Trung Hoa và sau đó được xuất khẩu sang Hoa Kỳ lẫn tránh Lệnh áp thuế CBPG đối với CORE từ Đài Bắc Trung Hoa; ngày 01 tháng 6 năm 2021.</p>
A-570-028: Hydrofluorocarbon (HFC) Blends từ Trung Quốc	<p>Việc nhập khẩu một số hỗn hợp HFC có chứa các thành phần HFC từ Ấn Độ và Trung Quốc được pha trộn ở Ấn Độ trước khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ là vi phạm lệnh CBPG đối với hỗn hợp HFC từ Trung Quốc; Ngày 01 tháng 10 năm 2020.</p> <p>R-421A không được cấp bằng sáng chế được sản xuất tại Trung Quốc lẫn tránh Lệnh áp thuế; Ngày 4 tháng 6 năm 2020.</p> <p>Việc nhập khẩu các hỗn hợp chưa hoàn thiện của các thành phần HFC R-32 và R-125 từ Trung Quốc lẫn tránh lệnh CBPG đối với các hỗn hợp HFC từ Trung Quốc; Ngày 18 tháng 3 năm 2020.</p>

A-201-844: Steel Concrete Reinforcing Bar (Rebar) từ Mexico	Nhập khẩu thép cây thẳng uốn cong ở một hoặc cả hai đầu từ Mexico được sản xuất và/hoặc xuất khẩu bởi Deacero S.A.P.I. de C.V. lần tránh lệnh CBPG; 29 tháng 5 năm 2020.
A-570-900: Diamond Sawblades and Parts thereof từ Trung Quốc	<p>Lưỡi cưa kim cương được sản xuất với lõi và phân đoạn của Trung Quốc tại Canada bởi Protech Diamond Tools Inc. và xuất khẩu từ Canada sang Hoa Kỳ nằm trong phạm vi của Lệnh áp thuế; Ngày 20 tháng 2 năm 2020.</p> <p>Lưỡi cưa kim cương được sản xuất với lõi và phân đoạn của Trung Quốc ở Thái Lan và xuất khẩu sang Hoa Kỳ nằm trong phạm vi của lệnh áp thuế CBPG; lưỡi cưa kim cương làm bằng lõi Trung Quốc và phân khúc Thái Lan; hay lõi Thái Lan và phân khúc Trung Quốc, ở Thái Lan và xuất khẩu sang Hoa Kỳ nằm ngoài phạm vi của Lệnh áp thuế; Ngày 10 tháng 7 năm 2019.</p>
A-570-890: Wooden Bedroom Furniture từ China	Bàn làm việc/bàn điều khiển có ngăn kéo, tủ TV với minibar, ngăn đựng đồ trong cốp xe và chân ghế dài không nằm trong phạm vi của Lệnh áp thuế CBPG. Tuy nhiên, một số tủ/kệ TV nhất định và bảng điều khiển/tủ tùy chỉnh thuộc phạm vi của Lệnh áp thuế; Ngày 31 tháng 12 năm 2019.
A-580-881 and C-580-882: Certain Cold-Rolled Steel	Nhập khẩu một số sản phẩm phẳng CRS, được sản xuất tại Việt Nam bằng thép cán nóng carbon (HRS) được sản xuất tại Hàn

(CRS) Flat Products từ Hàn Quốc	Quốc, lẫn tránh các Lệnh áp thuế CBPG và CTC; ngày 26 tháng 12 năm 2019.
A-583-856: Corrosion-Resistant Steel Products từ Đài Loan - Trung Quốc	CORE được sản xuất tại Việt Nam từ chất nền HRS và/hoặc CRS được sản xuất tại Đài Bắc Trung Hoa và sau đó được xuất khẩu sang Hoa Kỳ từ Việt Nam để lẫn tránh lệnh áp thuế CBPG; ngày 26 tháng 12 năm 2019.
A-580-878 and C-580-879: Certain CORE Products từ Hàn Quốc	Nhà xuất nhập khẩu CORE sản xuất tại Việt Nam sử dụng HRS sản xuất tại Việt Nam hoặc nước thứ ba; hoặc CRS sản xuất tại Việt Nam sử dụng HRS sản xuất tại Việt Nam hoặc nước thứ ba; và/hoặc CRS được sản xuất ở nước thứ ba, phải chứng nhận rằng HRS hoặc CRS được chế biến thành CORE tại Việt Nam không có xuất xứ từ Hàn Quốc, nếu không hàng hóa của họ có thể phải chịu thuế CBPG và CTC; Ngày 16 tháng 12 năm 2019.
A-570-051 and C-570-052: Hardwood Plywood từ Trung Quốc	Một số sản phẩm ván ép có dán nhãn Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại (TSCA) hoặc Ủy ban Tài nguyên Không khí California (CARB) và được sản xuất bằng nhựa, được xuất khẩu từ Trung Quốc, lẫn tránh các lệnh thuế CBPG và CTC; Ngày 22 tháng 11 năm 2019.
A-570-967 and C-570-968: Aluminum	Nhôm đèn xuất khẩu của Việt Nam sản xuất từ nhôm ép đèn trước đây của Trung Quốc lẫn tránh lệnh áp thuế; Ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Extrusions từ Trung Quốc	
A-201-830: Carbon and Certain Alloy Steel Wire Rod từ Mexico	Thanh dây được sản xuất và/hoặc xuất khẩu bởi Deacero S.A.P.I. de CV có đường kính thực tế nhỏ hơn 4,75 mm, bị thay đổi về hình thức hoặc bề ngoài ở một số khía cạnh nhỏ so với hàng hóa trong phạm vi phải tuân theo lệnh áp thuế CBPG; Ngày 13 tháng 3 năm 2019.
A-570-928: Uncovered Innersprings từ Trung Quốc	Lò xo trong được lắp ráp hoặc hoàn thiện tại Macao, Trung Quốc bởi các công ty thuộc Tập đoàn Thương mại Macao và xuất khẩu sang Hoa Kỳ, lẫn tránh Lệnh áp thuế CBPG; ngày 21 tháng 12 năm 2018
A-570-814: Carbon Steel Butt-Weld Pipe Fittings từ Trung Quốc	Các phụ kiện đường ống hàn bằng thép các-bon từ Trung Quốc thuộc phạm vi Lệnh áp thuế; Ngày 11 tháng 12 năm 2018.
A-570-029 và C-570-030: Cold-rolled steels (CRS) từ Trung Quốc	<p>DOC xác định rằng CRS được sản xuất tại Việt Nam từ HRS được sản xuất tại Trung Quốc là vi phạm các Lệnh áp thuế và thuộc phạm vi của chúng; Ngày 23 tháng 5 năm 2018.</p> <p>DOC xác định rằng CRS được sản xuất tại Việt Nam từ HRS được sản xuất tại Trung Quốc đã vi phạm các lệnh áp thuế CBPG và CTC; Ngày 17 tháng 8 năm 2018.</p>

Ghi chú: Tên sản phẩm tại Cột “Vụ việc” được giữ nguyên tên tiếng Anh, không dịch để đảm bảo khi theo dõi, truy xuất thông tin vụ việc thuận tiện hơn.

III. KHUYẾN NGHỊ

Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp, tránh các nguy cơ bị điều tra PVTM, chống lẩn tránh biện pháp PVTM< các doanh nghiệp cần lưu ý:

- Tìm hiểu quy định pháp luật, thực tiễn điều tra PVTM của các nước xuất khẩu, đặc biệt là đối với các thị trường mục tiêu;

- Thường xuyên cập nhật thông tin cảnh báo sớm từ Cục PVTM để đề ra các chiến lược xuất khẩu phù hợp cho từng giai đoạn, đồng thời thiết lập các kênh thông tin với các đối tác, các Hiệp hội, ngành hàng để kịp thời cập nhật, xử lý các vụ kiện, tình huống phát sinh;

- Nâng cao chuỗi giá trị của sản phẩm, đồng thời chuyển dần sang cạnh tranh bằng chất lượng và hạn chế việc cạnh tranh bằng giá; có chiến lược kiểm soát lượng xuất khẩu và giá bán một cách phù hợp để tránh bị coi là bán phá giá, nhận trợ cấp;

- Triển khai hệ thống quản lý, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu rõ ràng, minh bạch, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu; sổ sách kế toán theo chuẩn quốc tế, lưu giữ đầy đủ hóa đơn, chứng từ để có thể chứng minh không bán phá giá khi bị điều tra;

- Đa dạng hóa thị trường, tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới; đa dạng hóa sản phẩm, tránh tăng trưởng xuất khẩu quá nóng vào một thị trường, đặc biệt là các thị trường thường xuyên sử dụng công cụ PVTM hoặc đã từng kiện hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam;

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định về chứng nhận xuất xứ; không tiếp tay cho các hành vi gian lận xuất xứ, lẩn tránh biện pháp PVTM; phối hợp với Bộ Công

Thương trong việc ngăn chặn các hành vi giả mạo, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp;

Trường hợp bị điều tra PVTM, chống lẩn tránh PVTM, để hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ các vụ việc, Cục PVTM, Bộ Công Thương khuyến nghị các doanh nghiệp:

- Xây dựng chiến lược kháng kiện thống nhất, xuyên suốt;
- Bố trí nguồn lực kháng kiện;
- Phối hợp đầy đủ, toàn diện, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan điều tra nước ngoài khi vụ điều tra PVTM diễn ra;
- Phối hợp chặt chẽ với Cục PVTM trong quá trình ứng phó vụ việc để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời./.



CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 73037898 - (024) 39393422

Fax: (024) 73037897

Website: www.trav.gov.vn

Email: TRAV@moit.gov.vn